MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

	Soạn thảo	**Xem xét**	**Phê duyệt**
Họ và tên	**Đặng Thị Hoài An**	**Nguyễn Chí Dũng**	**Vũ Ngọc Tăng**
Chữ ký			
Chức vụ	**Chuyên viên**	**Đại diện QLCL**	**Giám đốc**

QUÁ TRÌNH BAN HÀNH, SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 về đăng ký, xóa đăng ký và mua,bán, đóng mới tàu biển.	Trang 1-14	Mục 5.1: Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính; Mục 5.2: Thành phần hồ sơ; Mục 5.8: Căn cứ pháp lý; Mục 6: Biểu mẫu	Sửa đổi lần 03	08/8/2019

1. MỤC ĐÍCH

Quy định về trình tự, cách thức giải quyết thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam để đủ điều kiện hoạt động.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này áp dụng đối với Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng trong việc thực hiện đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam.

Cán bộ, công chức, viên chức của Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy trình.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008;
- Mô hình khung HTQLCL;
- Mục 5.8

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

4.1 Định nghĩa

- Phương tiện đăng ký bao gồm: Tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động.
- Người làm thủ tục là: chủ tàu hoặc người được ủy quyền.

4.2 Viết tắt

- TTHC: Thủ tục hành chính;
- GCNĐK: Giấy chứng nhận đăng ký.

5. NỘI DUNG

5.1	**Điều kiện thực hiện TTHC**
	1. Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng đăng ký lần đầu tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau: a) Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: Không quá 10 năm; b) Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: Không quá 15 năm; c) Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định nhưng không quá 20 năm và chỉ áp dụng đối với các loại tàu: Chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi. 2. Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền. 3. Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá

	nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần. 4. Tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài được đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam nếu tại thời điểm ký kết hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.		
5.2	**Thành phần hồ sơ**	**Bản chính**	**Bản sao**
	- Đối với trường hợp chủ tàu là tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê mua tàu hoặc thuê tàu trần, hồ sơ bao gồm:		
	1. Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu.		
	2. GCN dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).	X	
	3. GCN phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).		X
	4. GCN đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); Trường hợp đăng ký tàu công vụ thì nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).		X
	5. GCN tạm ngừng đăng ký (nếu tàu biển đó đăng ký ở nước ngoài) hoặc xóa đăng ký tàu biển (bản chính).	X	
	6. Hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần (bản chính).	X	
	7. Biên bản bàn giao tàu (bản chính).	X	
	8. Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định, gồm tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước (bản sao kèm bản chính để đối chiếu).Trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);		X
	9. Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)		X
	- Đối với trường hợp chủ tàu là tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài, hồ sơ bao gồm:		

	1. Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu.	X	
	2. GCN dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).		X
	3. GCN phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).		X
	4. GCN tạm ngừng đăng ký (nếu tàu biển đó đăng ký ở nước ngoài) hoặc xóa đăng tàu biển (bản chính).	X	
	5. Hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần (bản chính).	X	
	6. Biên bản bàn giao tàu (bản chính);	X	
	7. Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định, gồm tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước (bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);		X
	8. Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) hoặc hộ chiếu (bản sao kèm bản chính để đối chiếu).		X
5.3	**Số lượng hồ sơ**		
	01 bộ		
5.4	**Thời gian xử lý**		
	Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ khi người làm thủ tục đã nộp, xuất trình đủ các giấy tờ theo quy định.		
5.5	**Nơi tiếp nhận và trả kết quả**		
	Trực tiếp tại Phòng Pháp chế - Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng (địa chỉ: Số 04 đường Đức Lợi 3, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng) hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.		
5.6	**Phí, lệ phí**		

	- Lệ Phí: 30% của mức thu đăng ký không thời hạn. - Mức thu đăng ký không thời hạn: + Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500GT là 3.000đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000đồng); + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần; + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần; + Đối với tàu có dung tích từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT-lần. - Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.
5.7	**Quy trình xử lý công việc**

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Tổ chức, cá nhân nộp bộ hồ sơ đăng ký tàu biển có thời hạn theo quy định tại mục 5.2.	Người làm thủ tục	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ: - Trường hợp nộp trực tiếp: nếu hồ sơ chưa hợp lệ, cán bộ đăng ký hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận và hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định. - Trường hợp nộp qua đường bưu chính: Văn thư tiếp nhận và chuyển cho bộ phận đăng ký để thẩm định hồ sơ	Cán bộ đăng ký Văn thư	Sau khi nhận hồ sơ	Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả (đối với nộp trực tiếp)
B3	Giải quyết hồ sơ: Chuyên viên phụ trách của Phòng sau khi kiểm tra tính	Cán bộ đăng ký	Không quá 01 ngày làm việc	Vào sổ quản lý

	chính xác của các thông tin, tính hợp lệ của hồ sơ: - Nếu đủ điều kiện để cấp thì ghi vào Sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận; nhập các thông tin tàu biển vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia VN; vào mạng đăng ký tàu biển; in kết quả và báo cáo lãnh đạo phòng xem xét trước khi trình Lãnh đạo cơ quan ký phê duyệt; lập phiếu báo thu chuyển cho bộ phận thu phí (nếu có) - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện cấp theo quy định, chuyên viên phụ trách của Phòng báo cáo Lãnh đạo phòng và thông báo kết quả thụ lý, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân			Thông báo cho người làm thủ tục theo mẫu BM.ĐK.01.02
B4	Trình Lãnh đạo ký GCNĐK có thời hạn tàu biển Việt Nam	Cán bộ đăng ký.	01 ngày	Trực tiếp
B5	Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân qua hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Cán bộ đăng ký Văn thư	Giờ hành chính	GCNĐK có thời hạn tàu biển VN
Lưu ý	*Tổng thời gian phân bổ cho các bước công việc không vượt quá thời gian quy định hiện hành của thủ tục này là 02 ngày.*			
5.8	**Cơ sở pháp lý**			
	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015; - Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển; - Thông tư số 31/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải; - Quyết định số 945/QĐ-CHHVN ngày 30/06/2017 của Cục trưởng Cục HHVN về			

	việc giao thực hiện nhiệm vụ đăng ký, xóa đăng ký tàu biển và cấp một số giấy chứng nhận, tài liệu liên quan đến tàu biển. - Quyết định số 1473/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 23/05/2017 v/v công bố, sửa đổi, thay thế và bãi bỏ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của BGTVT. - Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

6. BIỂU MẪU

- Giấy biên nhận hẹn trả hồ sơ – BM.ĐK.01.01;
- Thông báo kết quả thụ lý, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ – BM.ĐK.01.02;
- Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
- Mẫu GCN đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam ;
- Sổ theo dõi tiếp nhận và trả hồ sơ - BM.ĐK.02.01

7. LƯU HỒ SƠ

Stt	TÊN HỒ SƠ	MÃ HIỆU	NƠI LƯU	THỜI GIAN LƯU
1.	Bộ hồ sơ theo mục 5.2 của QT	Theo quy định	Phòng Pháp chế	05 năm
2.	Sổ theo dõi tiếp nhận và trả hồ sơ đăng ký.	BM.ĐK.02.01		
3.	Giấy biên nhận hẹn trả hồ sơ	BM.ĐK.01.01		
4.	Thông báo kết quả thụ lý, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	BM.ĐK.01.02		
5.	Hồ sơ, công văn liên quan			
Hồ sơ được lưu tại Phòng Pháp chế 05 năm hết thời hạn chuyển cho phòng TCHC để làm thủ tục xử lý lưu hồ sơ theo quy định.				

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
APPLICATION FOR REGISTRATION

Kính gửi: ……(1)……

Đề nghị đăng ký ……(2)…….. với các thông số dưới đây:
Kindly register the ship with the following particulars:

Tên ……...(3)..... Trọng tải toàn phần: .....
Name *Dead weight*
Hô hiệu/Số IMO: ..... Tổng dung tích: .....
Call sign/IMO number *Gross tonnage*
Loại tàu: …….(4)..... Dung tích thực dụng:.....
Type of ship *Net tonnage*
Chiều dài lớn nhất: ..... Năm đóng: .....
Length over all *Year of building*
Chiều rộng: ..... Nơi đóng: .....
Breadth *Place of building*
Mớn nước: ..... Nơi đăng ký: .....
Draft *Place of registry*
Tổng công suất máy chính: ..... Tổ chức đăng kiểm: .....
M.E. power *Classification Agency*

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam
Registration for flying Vietnamese flag
- Đăng ký quyền sở hữu
Registration for ownership

Hình thức đăng ký: .....
Kind of registration
Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, fax, tỉ lệ sở hữu): .....
Owner *(name, address, fax, ratio of ownership)*

……, ngày ... tháng ... năm……
Date
CHỦ SỞ HỮU
Owner
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submarsible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Type of ship (in case of ship registration/registry)

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN
CERTIFICATE OF PERIODICAL REGISTRY

…….. (1) .... Chứng nhận ……..(2)…… có các thông số dưới đây đã được đăng ký có thời hạn mang cờ quốc tịch Việt Nam trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:
……. Hereby certify that the ship with the following particulars has been periodically registered into the Viet Nam national ships registration book and sailing under Vietnamese flag:

Tên ……...(3)..... Trọng tải toàn phần: .....
Name *Dead weight*

Hô hiệu/Số IMO: ..... Tổng dung tích: .....
Call sign/IMO number *Gross tonnage*

Loại tàu: …….(4)..... Dung tích thực dụng:.....
Type of ship *Net tonnage*

Chiều dài lớn nhất: ..... Năm đóng: .....
Length over all *Year of building*

Chiều rộng: ..... Nơi đóng: .....
Breadth *Place of building*

Mớn nước: ..... Nơi đăng ký: .....
Draft *Place of registry*

Tổng công suất máy chính: ..... Tổ chức đăng kiểm: .....
M.E. power *Classification Agency*

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ
CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM *(Registration for being Vietnamese flagged ship)*

.... (2) & (3)….. được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngày …../…./…. đến ngày …./…./……
is sailing under Vietnamese flag from …….to……..

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU *(Registration for ownership)*

…… (2) & (3)…….. thuộc sở hữu của *(tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu)*: ……
is owed by the (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký: ..... Cấp tại ..... , ngày …... tháng …... năm …
Number of registration *Issued at ……, on .....*

Ngày đăng ký: ..... Tên, chữ ký người có thẩm quyền
Date of registration *Full name, signature of duly authorized official*

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submarsible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Type of ship (in case of ship registration/registry)